TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2018
V/v tranh chấp: *"Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Biên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thuý Thành**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 246/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bon Đing Minh H, sinh năm 1985
Địa chỉ: Số 05, tổ dân phố Bon A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Tào Tấn K, sinh năm 1978
NKTT: Số 5, xã , huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
Hiện đang chấp hành án tại đội 2 Trại giam Đ-Tổng cục VIII-Bộ công an (Thôn 11, xã Lộc Thành, huyện B, tỉnh Lâm Đồng). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2017 của nguyên đơn Bà Bon Đing Minh H và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và Ông Tào Tấn K qua thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng thì đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2012 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được gia đình hai bên đồng ý.

Quá trình chung sống được khoảng 03 tháng thì ông K bị bắt về hành vi sử dụng ma túy nên đưa đi cai nghiện tại Trung tâm 05-06 tại Đức T, trong thời gian ông K đi cai nghiện bà vẫn chu cấp tiền và thăm nom. Sau 02 năm cai nghiện vợ ông K lại quay về chung sống, bà mong muốn tha thứ và cho ông K cơ hội để làm lại cuộc đời nhưng ông K không từ bỏ được ma túy nên sau khi bà sinh con thì ông K lại bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị Toà án xử phạt 04 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ. Bà nhận thấy tình cảm với ông K không còn nữa, vì bà đã rất nhiều lần khuyên ông K, cho ông K cơ hội để làm lại cuộc đời nhưng bản thân ông K không cố gắng, không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu xin được ly hôn với Ông Tào Tấn K.

- *Về con chung*: Bà H trình bày: bà và Ông Tào Tấn K có với nhau 01 người con chung là Bon Đing Huyền T, sinh ngày 12/8/2015.

Từ khi sống chung với nhau phần lớn thời gian ông K đi cai nghiện và chấp hành án nên con chung ở với bà, bà đảm bảo điều kiện nuôi con chung trưởng thành. Nay ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Bon Đing Huyền T đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà H trình bày: bà và ông K không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Tào Tấn K trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Việc đăng ký kết hôn như Bà H trình bày nêu trên.

Trong quá trình chung sống với Bà H không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, từ khi chung sống đến ngày 25/11/2015 thì ông bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý, phần lớn thời gian ông chơi bời, không chăm lo cho vợ con, tiền bạc góp vào xây dựng gia đình không đáng kể. Hiện tại ông đang chấp hành án với mức hình phạt 04 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* tại Trại giam Đ. Nay Bà H xin ly hôn ông không đồng ý vì lý do ông còn tình cảm với Bà H.

- *Về con chung*: Ông Tào Tấn K và Bà H có với nhau 01 người con chung là Bon Đing Huyền T, sinh ngày 12/8/2015. Nếu Toà án giải quyết cho ông và Bà H ly hôn, ông đồng ý giao con chung là Bon Đing Huyền T, sinh ngày 12/8/2015 cho Bà H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: ông K và Bà H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành vì lý do ông K có đơn đề nghị được vắng mặt.

Sau đó Bà H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Bà H và ông K được ly hôn; Về con chung: đề nghị giao cho Bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bon Đing Huyền T, sinh ngày 12/8/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông K đều trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và Ông Tào Tấn K qua thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 14/8/2012. Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được gia đình hai bên đồng ý là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian chung sống, ông K thừa nhận phần lớn thời gian ông chơi bời, không chăm lo cho vợ con, tiền bạc góp vào xây dựng gia đình không đáng kể. Đến ngày 25/11/2015 ông bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý. Hiện tại ông đang chấp hành án với mức hình phạt 04 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* tại Trại giam Đ. Điều đó cho thấy, trong thời gian chung sống với Bà H ông K ăn chơi, thiếu trách nhiệm với vợ con, không chăm lo xây dựng gia đình. Mặt khác, còn mua bán trái phép chất ma tuý. Chất ma tuý là chất

độc hại, một loại hàng đặc biệt nhà nước độc quyền quản lý, bất kỳ ai vi phạm đến ma tuý, tuỳ tính chất mức độ đều bị xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhưng ông K đã vi phạm. Nay ông K phải chấp hành bản án 04 năm tù tại Trại giam Đ.

Điều đó càng chứng tỏ trong thời gian Bà H và ông K sống chung không hạnh phúc, ông K vi phạm pháp luật hình sự, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho Bà H và ông K được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà H và Ông Tào Tấn K có với nhau 01 người con chung là Bon Đing Huyền T, sinh ngày 12/8/2015. Từ khi ông K chấp hành án, Bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bon Đing Huyền T vẫn phát triển khoẻ mạnh. Hiện nay, cháu Trân hiện nay còn rất nỏ dưới 36 tháng tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ, Mặc khác, ông K hiện đang chấp hành án và đồng ý giao con chung là Bon Đing Huyền T cho Bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao con chung là Bon Đing Huyền T cho Bà H tiếp tục trực tiếp nuôi đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông K đều trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 143, 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà H xin ly hôn nên cần buộc Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 143, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn"* của nguyên đơn Bà Bon Đing Minh H với Ông Tào Tấn K. Xử cho Bà Bon Đing Minh H và Ông Tào Tấn K được ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Bon Đing Huyền T, sinh ngày 12/8/2015 cho Bà Bon Đing Minh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

"Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình".

3. Về án phí: Buộc Bà Bon Đing Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Bà H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004998 ngày 22/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, bà H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Biên